

Số: 135 /TB-NĐND

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO GIA HẠN THỜI GIAN NỘP BÁO GIÁ
Mời khảo sát và báo giá thiết bị vật tư hệ thống nước ngưng phục vụ lập
dự toán SCL năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời trân trọng và hợp tác đối với các nhà cung cấp quan tâm!

Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV đã có văn bản số 976/TMBG-NĐND ngày 28/4/2025 về việc Mời khảo sát và báo giá thiết bị vật tư hệ thống nước ngưng phục vụ lập dự toán SCL năm 2026 với thời hạn nộp báo giá trước 15/5/2025.

Để có thêm thời gian cho các nhà cung cấp thực hiện khảo sát và báo giá Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV thông báo gia hạn thời gian nộp báo giá thiết bị theo công văn số 976/TMBG-NĐND ngày 28/4/2025 cụ thể như sau:

- Thời gian nộp báo giá sau gia hạn: chậm nhất ngày 25/5/2025

Các thông tin khác vẫn giữ nguyên không thay đổi theo công văn số 976/TMBG-NĐND ngày 28/4/2025.

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV trân trọng thông báo biết và tham gia báo giá. Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của nhà cung cấp. /

Nơi nhận: /

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy);
- Các PGĐ, KTT (e-copy);
- Phòng KTAT (e-copy);
- Đăng tải TKV, ĐLTKV;
- Lưu: VP, KHĐTVT, VH(04).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Anh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **976** /TMBG-NĐND

Lạng Sơn, ngày **28** tháng 4 năm 2025

V/v : Mời khảo sát và báo giá thiết bị vật tư hệ thống
nước ngưng phục vụ lập dự toán SCL năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời trân trọng và hợp tác đối với các nhà cung cấp quan tâm!

Công ty Nhiệt điện Na Dương –TKV đang có nhu cầu khảo sát giá và báo giá một số thiết bị thuộc công trình sửa chữa TSCĐ năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương -TKV cụ thể như sau:

1. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp báo giá

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (bản sao công chứng hoặc bản sao có dấu đỏ của doanh nghiệp)

- Báo giá ghi rõ Tên, số điện thoại, email của người cung cấp báo giá

2. Yêu cầu về thiết bị:

- Chi tiết thiết bị: Bao gồm các nội dung tên thiết bị vật tư, thông số kỹ thuật/ quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phụ lục đính kèm

- Các thiết bị mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có mã mã, thông số kỹ thuật rõ ràng, hàng hóa được sản xuất từ năm 2024 đến nay;

+ Thiết bị tương đương với thiết bị đang có của nhà máy NĐ Na Dương.

3. Các yêu cầu về thương mại:

- Tiến độ giao hàng: do nhà cung cấp đề xuất

- Địa điểm giao hàng: Kho nhà máy nhiệt điện Na Dương.

- Hiệu lực của bản chào giá: 60 ngày kể từ ngày phát hành.

- Giá cố định, bao gồm thuế, phí (nếu có) đến nhà máy nhiệt điện Na Dương.

4. Hình thức báo giá:



- Bản báo giá và biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín ghi nội dung báo giá, có niêm phong và gửi trực tiếp về Phòng Kế hoạch Đầu tư Vật tư – Công ty Nhiệt điện Na Dương – khu 4 thị trấn Na Dương-Lộc Bình- Lạng Sơn: Điện thoại: 02053.844.263.

Đồng thời nhà cung cấp báo giá gửi báo giá chi tiết (bản mềm và bdf) và tài liệu về địa chỉ email: naduong@vinacominpowers.vn và kehoachndpc@gmail.com

Thời hạn kết thúc nhận báo giá: trước ngày 15/5/2025. Các nhà cung cấp có nhu cầu xin file mềm báo giá thì gửi về địa chỉ email nêu trên.

(Ghi chú: Nhà cung cấp báo giá vui lòng cập nhật mẫu biểu như đính kèm công văn không thêm bớt cột, dòng)

Ông Nguyễn Duy Thảo

Chức vụ; Phó trưởng phòng KHĐTVT

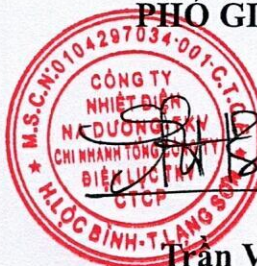
SĐT: 0986.761.888

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy);
- Các PGĐ, KTT (e-copy);
- Phòng KTAT (e-copy);
- Đăng tải TKV;;
- Lưu: VP, KHĐTVT, VH(04).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Anh



PHỤ LỤC NHU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số **976** / NĐND-KHĐT VT ngày tháng 4 năm 2025

28

Tên gói 11	Vật tư hệ thống nước ngưng												
STT	Mã hệ thống	Mã thiết bị/Mã vật tư	Mã thành phần	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ, năm sản xuất nhà máy đang sử dụng	Đơn vị	Khối lượng lắp	Đơn giá trước thuế	Thành tiền	Tiến độ giao hàng	Ghi chú	
1	PTB.NG1	TB.01.03.10	VTC SC.501113.97	Vòng bi	6307/C3	SKF	cái	2					
2	PTB.NG1	TB.01.03.10	VTC VK.437106.08	Gland packing	10x10; Material Pillar 6501L		m	1					
3	PTB.NG1	TB.01.03.10	VTC DN.103101.15	Dầu bôi trơn	Preslia 32	Total	lít	0,67					
4	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.439121.01.57	O-ring	O-ring 4120.1; Material NBR	TORISHIMA PUMP	cái	8					
5	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.439121.01.58	O-ring	O-ring 4120.3; Material NBR	TORISHIMA PUMP	cái	2					
6	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.439121.01.59	O-ring	O-ring 4120.4; Material NBR	TORISHIMA PUMP	cái	14					
7	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.439121.01.60	O-ring	O-ring 4120.5; Material NBR	TORISHIMA PUMP	cái	2					
8	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.439121.01.61	O-ring	O-ring 4120.6; Material NBR	TORISHIMA PUMP	cái	2					
9	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG1	Gasket	Gasket 4000; Material TOMBO 1995	TORISHIMA PUMP	cái	2					
10	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG2	Spacer	Spacer 8615; Material G4051 S45C	TORISHIMA PUMP	cái	2					
11	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG3	Impeller	Impeller 2300; Material G5501 FC200	TORISHIMA PUMP	cái	8					
12	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG4	Impeller	Impeller, 1ST stage 2310; Material G5121 SCS1T1	TORISHIMA PUMP	cái	2					



13	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG5	Bearing spider	Bearing spider 3830; Material G5501 FC250	TORISHIMA PUMP	cái	6				
14	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG6	Casing wearing ring	Casing wearing ring 5020.1; Material 2.5NIFC	TORISHIMA PUMP	cái	4				
15	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG7	Casing wearing ring	Casing wearing ring 5020.2; Material 2.5NIFC	TORISHIMA PUMP	cái	16				
16	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG8	Split ring	Split ring 5010.1; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
17	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG9	Split ring	Split ring 5010.2; Material G4051 S45C	TORISHIMA PUMP	cái	2				
18	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG10	Packing sleeve	Packing sleeve 5240 ; Material G4303 SUS420J2 HCr	TORISHIMA PUMP	cái	2				
19	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG11	Throttle bushing	Throttle bushing 5420; Material G5501 FC200	TORISHIMA PUMP	cái	2				
20	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG12	Lantern ring	Lantern ring 4580 ; Material G5501 FC200	TORISHIMA PUMP	cái	2				
21	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG13	Lower shaft	Lower shaft 2110; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
22	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG14	Intermediate shaft	Intermediate shaft 2120; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
23	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG15	Upper shaft	Upper shaft 2130; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
24	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.501113.01.56	Bearing bushing	Bearing bushing 5450.1 ; Material G4051 S35C	TORISHIMA PUMP	cái	2				
25	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.501113.01.57	Bearing bushing	Bearing bushing 5450.2 ; Material G4051 S35C	TORISHIMA PUMP	cái	2				
26	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.501113.01.58	Bearing bushing	Bearing bushing 5450.3 ; Material G4051 S35C	TORISHIMA PUMP	cái	6				



27	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.501113.01.59	Bearing sleeve	Bearing sleeve 5290.1 ; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
28	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.501113.01.60	Bearing sleeve	Bearing sleeve 5290.2; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
29	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC SC.501113.01.61	Bearing sleeve	Bearing sleeve 5290.3; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	6				
30	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG16	Interstage sleeve	Interstage sleeve 5210 ; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	8				
31	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG17	Key	Key 9400.1 ; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
32	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG18	Key	Key 9400.2 ; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	8				
33	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG19	Key	Key 9400.3 ; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	4				
34	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG20	Key	Key 9400.4 ; Material G4501 S45C	TORISHIMA PUMP	cái	2				
35	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG21	Washer	Washer 5500.1 ; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
36	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG22	Washer	Washer 5500.2 ; Material G3101 SS400 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	48				
37	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG23	Caupling nut	Caupling nut 9232; Material G4051 S45C	TORISHIMA PUMP	cái	2				
38	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG24	Tie bolt	Tie bolt 9050; Material G4051 S45C	TORISHIMA PUMP	cái	24				
39	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG25	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.1; Material G4303 SUS420J2	TORISHIMA PUMP	cái	2				
40	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG26	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.2; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	16				
41	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG27	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.3; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	32				
42	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG28	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.4; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	16				
43	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG29	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.5; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	48				
44	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG30	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.6; Material G4303 SUS316	TORISHIMA PUMP	cái	16				
45	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG31	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.7; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	16				
46	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG32	Hexagonal bolt	Hexagonal bolt 9010.8; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	16				
47	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG33	Gland bolt	Gland bolt 9021; Material G4303 SUS316	TORISHIMA PUMP	cái	4				
48	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG34	Hexagonal nut	Hexagonal nut 9200.1; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	16				
49	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG35	Hexagonal nut	Hexagonal nut 9200.2; Material G3101 SS400	TORISHIMA PUMP	cái	32				

50	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG36	Hexagonal nut	Hexagonal nut 9200.3; Material G4303 SUS316	TORISHIMA PUMP	cái	4				
51	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG37	Hexagonal nut	Hexagonal nut 9201; Material G4051 S45C	TORISHIMA PUMP	cái	48				
52	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG38	Helically coiled	Helically coiled 1 - 9312; Material G4303 SUS304	TORISHIMA PUMP	cái	2				
53	PTB.NG1	TB.01.03.14	VTC NG39	Gland Packing	Gland Packing 4610; Material Pillar 6501L	TORISHIMA PUMP	cái	12				
54	PTB.NG1	ĐI.01.01.10.05	VTC SC.501100.92	Vòng bi	6309-2Z/C3	SKF	cái	2				
55	PTB.NG1	ĐI.01.01.10.08	VTC NG38	Vòng bi	NU318M	NSK	cái	2				
56	PTB.NG1	ĐI.01.01.10.08	VTC NG39	Vòng bi	7318DB (2pcs/set)	NSK	bộ	2				
57	PTB.NG1	DC.01.01.02.03	VTC NG40	Valve BYPASS	Type: BTG/VLB-72RBTC Size: 150A x 600A Actuator: CCI electro-Pneumatic Piston Actuator, STI SC/V320-100SMHW Positioner: STI UP-1/L-EP Material Body: A-182 F22 Cl.3 Pressure 130kg/cm2 (max 143kg/cm2) Temperature 540oC (max 548oC) Flow: 125t/h (60%BMCR) (Bao gồm cả bộ điều khiển kết nối phù hợp với hệ thống điều khiển hiện tại của nhà máy)	CCI Valve	Bộ	1				